TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2020/DS-ST
Ngày: 03 - 12 - 2020
V/v tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai
2. Ông Trịnh Xuân Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Mỹ L, sinh năm: 1982; địa chỉ: 176/1 ấp AB, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn Y, sinh năm: 1970 và chị Phạm Thị N, sinh năm: 1973; cùng địa chỉ: 27/1 ấp AB, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thái B, sinh năm: 1977; địa chỉ: 176/1 ấp AB, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị Phan Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thái B cùng uỷ quyền cho chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1982; địa chỉ: 96/6 Lê Lợi, phường 4, Quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia tố tụng theo văn bản Giấy uỷ quyền đề ngày 10/08/2020 và ngày 19/10/2020.

Chị N, anh Y, chị N cùng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa chị Nguyễn Thị Ngộ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thái Bình ủy quyền trình bày:

Từ ngày 27/4/2019 đến ngày 10/9/2019 giữa chị L, anh B và anh Huỳnh Văn Y có giao dịch mua bán thuốc thuỷ sản để nuôi tôm công nghiệp. Khi thoả thuận ban đầu thì hai bên thống nhất kết thúc vụ nuôi tôm thì phải trả tiền, một vụ nuôi tôm thời gian tối đa khoảng 03 tháng. Tuy nhiên khi kết thúc vụ nuôi tôm thì anh Y không thanh toán tiền cho cho chị L nên sau ngày 10/9/2019 thì giữa hai bên không tiếp tục mua bán nữa. Ngày 17/09/2019 anh Yêm có ký tên vào văn bản có

tựa "Bảng chi tiết công nợ anh Yêm An Điền" xác nhận anh Y còn nợ số tiền là 25.220.000 đồng. Trong suốt quá trình mua bán từ tháng 4/2019 cho đến tháng 9/2019 là hơn 05 tháng, đã quá thời gian tối đa của 01 vụ nuôi tôm nhưng anh Yêm chưa thanh toán bất kỳ số tiền nào cho chị L là đã vi phạm thoả thuận. Và sau khi ký xác nhận công nợ vào ngày 17/9/2019 cho đến nay đã hơn 01 năm mặc dù chị L nhiều lần yêu cầu anh Y trả tiền nhưng anh Yêm không thực hiện. Việc mua thuốc thuỷ sản của anh Y nhằm để phát triển kinh tế chung của anh Y và chị Phạm Thị N là vợ anh Y, hiện anh Y và chị N vẫn đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Do đó chị L yêu cầu anh Y và chị N phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị L số tiền 25.220.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi chậm trả kể từ ngày 11/9/2019 cho đến ngày 11/8/2020 với mức lãi suất 0,83%/tháng, được tính cụ thể như sau: 25.220.000 đồng x 11 tháng x 0,83%/tháng = 2.302.586 đồng. Tổng số tiền mà chị L yêu cầu anh Yêm và chị N có nghĩa vụ liên đới trả là 27.522.586 đồng, không đồng ý yêu cầu trả dần của anh Y và chị N.

Tại toà chị Ngộ xác định: nay chị L chỉ yêu cầu anh Y và chị N có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc 25.220.000 đồng một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật, xin rút toàn bộ yêu cầu trả tiền lãi chậm trả với số tiền 2.302.586 đồng. Chị L không đồng ý việc anh Y và chị N đề nghị trả số tiền 25.220.000 đồng vào tháng 6/2021.

Anh B là chồng chị L không có yêu cầu gì trong vụ án này, đồng ý để chị L khởi kiện đối với anh Y, chị N.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng tại tòa bị đơn anh Huỳnh Văn Y trình bày:

Anh thừa nhận có mua thuốc thuỷ sản để nuôi tôm công nghiệp ở cửa hàng của chị Phan Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thái B với tổng số tiền là: 25.220.000 đồng đến nay chưa trả được. Khi thoả thuận việc mua thuốc thuỷ sản anh có hứa hẹn khi kết thúc vụ nuôi tôm thì sẽ có trả tiền cho anh B, chị L. Một vụ nuôi tôm tối đa là 03 tháng. Anh mua thuốc thuỷ sản để phục vụ việc nuôi tôm từ ngày 27/4/2019 đến ngày 10/9/2019 đã kết thúc một vụ và có nuôi tôm qua vụ thứ hai được vài tháng nhưng anh không có trả tiền được cho chị L và anh B vì thời điểm đó cho đến nay chị Phạm Thị N là vợ anh bị bệnh nặng phải lo chạy chữa tốn rất nhiều chi phí. Gia đình chỉ có anh là trụ cột, 02 con thì còn nhỏ. Anh có ký tên vào Bảng chi tiết công nợ lập ngày 17/9/2019 mà chị L cung cấp cho tòa.

Anh và chị N là vợ chồng hợp pháp, anh có cung cấp 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa anh và chị N cho Toà án. Quá trình anh mua thuốc thuỷ sản ở cửa hàng của chị L, khi giao nhận hàng có các hoá đơn thì chị N giữ. Chị N cũng biết rõ số tiền hiện còn nợ chị L là 25.220.000 đồng vì anh mua thuốc thuỷ sản phục vụ cho việc nuôi tôm công nghiệp nhằm mục đích phát triển kinh tế chung của hai vợ chồng, giữa anh và chị N không có làm kinh tế riêng. Khoảng tháng 8/2019 chị N phát bệnh và phải lo tiền chữa bệnh cùng với việc nuôi tôm bị thua lỗ nên anh không có trả tiền cho chị L.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của chị L thì anh đồng ý anh và chị N phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị L số tiền nợ gốc 25.220.000 đồng và xin được

miễn trả tiền lãi. Đối với số nợ gốc anh xin được trả dần, cụ thể: vào tháng 12/2020 trả 10.000.000 đồng, số tiền 15.220.000 đồng còn lại xin trả tất vào tháng 12/2021. Tại phiên toà anh Yêm có yêu cầu được trả số tiền 25.220.000 đồng vào tháng 6/2021.

Tại phiên toà bị đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị thống nhất hoàn toàn nội dung mà anh Y là chồng chị đã trình bày tại toà. Nay chị thừa nhận chị và anh Y phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị L số tiền 25.220.000 đồng và xin được trả vào tháng 6/2021.

Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét về yêu cầu trả nợ của chị L, chị L và anh Y, chị N thống nhất số tiền mà anh Yêm còn nợ đại lý 25.220.000đồng, anh Yêm thừa nhận chữ ký trong bản công nợ chị L cung cấp là do anh ký nên việc chị L khởi kiện yêu cầu anh Y trả số tiền 25.220.000đồng là có căn cứ chấp nhận. Về cách thức trả nợ các đương sự trình bày không thống nhất. Chị L yêu cầu trả một lần một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại toà anh Yêm và chị N yêu cầu được trả vào tháng 6/2021. Do anh Y, chị N vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị L, yêu cầu trả dần của ông Y, bà N không được chị L đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

Về trách nhiệm liên đới trả nợ của chị N. Anh Y giao kết hợp đồng mua thuốc thủy sản từ tháng 4/2019, mục đích để nuôi tôm là phát triển kinh tế chung trong gia đình. Thời điểm giao kết hợp đồng anh Y và chị N là vợ chồng hợp pháp. Do đó, cần buộc chị N cùng anh Y có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị L là phù hợp. Anh Nguyễn Thái B (chồng chị L) không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không xem xét.

Vì vậy căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 217 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, 385, 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L, buộc anh Huỳnh Văn Y và chị Phạm Thị N có trách nhiệm liên đới trả chị L số tiền 25.220.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị L đối với số tiền lãi 2.302.586 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L yêu cầu bị đơn anh

Huỳnh Văn Y và chị Phạm Thị N trả tiền mua thuốc thuỷ sản để nuôi tôm còn nợ nên xác định đây là "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Huỳnh Văn Yêm và chị Phạm Thị N có nơi cư trú tại ấp An Khương B, xã An Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L và bị đơn anh Huỳnh Văn Y, chị Phạm Thị N cùng thống nhất trình bày hai bên có xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán thuốc thủy sản để nuôi tôm trong khoảng thời gian từ ngày 27/4/2019 đến ngày 10/9/2019. Chứng cứ mà chị L giao nộp là văn bản có tựa "Bảng chi tiết công nợ anh Y An Điền" lập ngày 17/09/2019, anh Y thừa nhận có ký tên xác nhận vào Bảng chi tiết công nợ; anh Y và chị N cùng thừa nhận số tiền còn nợ chị L là 25.220.000 đồng.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Xét hợp đồng mua bán tài sản được chị L, anh B và anh Y giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 430 Bộ Luật Dân sự. Đối với việc anh Y, chị N cùng thừa nhận còn nợ chị L số tiền 25.220.000 đồng và phải có nghĩa vụ thanh toán tiền khi kết thúc vụ nuôi tôm, một vụ nuôi tôm thời gian tối đa là 03 tháng kể từ khi hai bên bắt đầu mua bán nhưng anh Y, chị N chưa trả được tiền cho chị L ngay cả khi đã kết thúc việc mua bán là đã vi phạm về nghĩa vụ trả tiền. Thời điểm anh Y giao kết hợp đồng anh Y và chị N là vợ chồng hợp pháp. Anh Y mua thuốc thuỷ sản mục đích nuôi tôm công nghiệp nhằm phục vụ kinh tế chung của hai vợ chồng.

Nay chị L có yêu cầu vợ chồng anh Y và chị N phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 25.220.000 đồng là có căn cứ phù hợp với Điều 440 Bộ luật Dân sự, các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc chị L rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Y và chị N về số tiền lãi chậm trả là 2.302.586 đồng, xét đây là sự tự nguyện của chị L nên cần đình chỉ yêu cầu này là phù hợp.

[5] Việc anh Y, chị N yêu cầu được trả số tiền 25.220.000 đồng vào tháng 6/2021 do đang gặp khó khăn về kinh tế, chị N đang bị bệnh nặng. Xét thấy, anh Yêm và chị N vi phạm nghĩa vụ trả tiền đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị L và yêu cầu này của anh Yêm, chị N không được chị L chấp nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu được trả số tiền 25.220.000 đồng vào tháng 6/2021 như trình bày của anh Y và chị N.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật**.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 433, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L. Buộc anh Huỳnh Văn Y và chị Phạm Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho chị Phan Thị Mỹ L số tiền 25.220.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L đối với anh Huỳnh Văn Y và chị Phạm Thị N về số tiền lãi 2.302.586 đồng

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Huỳnh Văn Y và chị Phạm Thị N có trách nhiệm liên đới chịu 1.261.000 đồng.

Chị Phan Thị Mỹ L được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 688.000 đồng theo biên lai thu số 0003133 ngày 30/9/2020.

3. Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(

Phan Cẩm Nhung